

I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn.**Hãy chọn một phương án đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau****Câu 1.** Đường bờ biển nước ta có chiều dài

- A. 2360km. B. 2036km. C. 3206km. D. 3260km.

Câu 2. Việt Nam nằm ở bên rìa phía bên nào của bán đảo Đông Dương?

- A. Phía đông. B. Phía tây. C. Phía bắc.
D. Phía nam.

Câu 3. Ở phía Bắc Việt Nam giáp với quốc gia

- A. Lào. B. Hàn Quốc. C. Trung Quốc. D. Mianma.

Câu 4. Nước ta nằm ở vị trí

- A. Nội chí tuyến bán cầu Bắc B. Nội chí tuyến bán cầu Nam
C. Chí tuyến Bắc D. Chí tuyến Nam

Câu 5. Tổ chức UNESCO đã công nhận vịnh biển nào của Việt Nam là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Vịnh Hạ Long. B. Vịnh Vân Phong.
C. Vịnh Cam Ranh. D. Vịnh Chân Mây.

Câu 6: Địa hình các-xtơ khá phổ biến, có những cảnh quan đẹp như vùng hồ Ba Bể, vịnh Hạ Long là đặc điểm của địa hình nào?

- A. Vùng núi Tây Bắc B. Vùng núi Đông Bắc
C. Vùng Trường Sơn Bắc D. Vùng Trường Sơn Nam

Câu 7: Vùng núi Trường Sơn Bắc nằm ở?

- A. Giữa sông Hồng và sông Cả
B. Kéo dài khoảng 600 km từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã
C. Phía nam dãy Bạch Mã, chủ yếu ở khu vực: Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và một phần Đông Nam Bộ.
D. Tả ngạn sông Hồng đến biên giới phía Bắc

Câu 8: Địa hình núi cao trên 2.000 m chỉ chiếm bao nhiêu diện tích cả nước?

- A. 10% diện tích B. 15% diện tích C. 1% diện tích
D. 5% diện tích

Câu 9. Các xã ven biển của địa phương em là khu vực có bờ biển bồi tụ. Đây là điều kiện thích hợp để phát triển

- A. khai thác khoáng sản. B. nuôi trồng thủy sản.
C. phát triển đường biển. D. xây dựng cảng biển.

Câu 10. Khoáng sản nào phân bố chủ yếu ở Quảng Ninh?

- A. Ti-tan B. Sắt C. Than đá
D. Dầu mỏ và khí tự nhiên

Câu 11. Khoáng sản nào phân bố chủ yếu ở vùng thềm lục địa phía đông nam?

- A. Ti-tan B. Sắt C. Than đá
D. Dầu mỏ và khí tự nhiên

Câu 12. Tổng trữ lượng khoảng 9,6 tỉ tấn, phân bố tập trung ở Tây Nguyên (Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum,...), ngoài ra còn có ở một số tỉnh phía bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang,...) chỉ loại khoáng sản nào?

- A. Than đá B. Dầu mỏ và khí tự nhiên C. Bô-xít D. Sắt

Câu 13. Quy mô của các mỏ khoáng sản ở Việt Nam là?

- | | |
|--------------------------------|--------------------------|
| A. Trữ lượng lớn | B. Trữ lượng ít |
| C. Trữ lượng trung bình và nhỏ | D. Trữ lượng trung bình. |

Câu 14. Nước ta có khoảng bao nhiêu loại khoáng sản?

- | | |
|----------------------------------|----------------------------------|
| A. 50 loại khoáng sản khác nhau. | B. 60 loại khoáng sản khác nhau. |
| C. 70 loại khoáng sản khác nhau. | D. 80 loại khoáng sản khác nhau. |

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của tài nguyên khoáng sản?

- | | |
|---|---|
| A. Bảo vệ đa dạng sinh học, tài nguyên đất. | B. Đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia. |
| C. Cung cấp nguyên liệu cho nông nghiệp. | D. Tạo nhiều việc làm cho người lao động. |

Câu 16. Khoáng sản là loại tài nguyên

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| A. có giá trị vô tận. | B. tự phục hồi được. |
| C. thường bị hao kiệt. | D. không phục hồi được. |

II. Trắc nghiệm đúng - sai.

Trong mỗi ý **a, b, c, d** hãy chọn phương án trả lời đúng hoặc sai và viết chữ “**Đ**” vào sau phương án trả lời đúng hoặc viết chữ “**S**” vào sau phương án trả lời sai.

Câu 1. Khoáng sản nước ta khá phong phú và đa dạng với hơn 60 loại khoáng sản khác nhau như: năng lượng, kim loại, phi kim loại. Khoáng sản phân bố ở nhiều nơi nhưng chủ yếu ở miền bắc, miền trung và Tây Nguyên.

Dựa trên những đặc điểm của khoáng sản Việt Nam, em hãy cho biết những nhận định sau đây về tài nguyên khoáng sản nước ta đúng hay sai?

- Than đá là khoáng sản thuộc nhóm năng lượng.
- Khoáng sản dầu khí chủ yếu tập trung ở vùng núi phía bắc.
- Sự đa dạng của tài nguyên khoáng sản nước ta là do Việt Nam nằm ở vị trí giao nhau giữa các vành đai sinh khoáng.
- Việc sử dụng ngày càng nhiều năng lượng sạch, năng lượng tái tạo thay thế cho năng lượng hóa thạch góp phần giải quyết vấn đề thiếu nhiên liệu và ô nhiễm môi trường.

Câu 2. Đặc điểm nổi bật của vị trí địa lý tự nhiên nước ta là: Vị trí nội chí tuyến; Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á; Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải đảo; Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật.

Dựa vào đoạn văn trên và hiểu biết của bản thân em hãy cho biết những nhận định sau đây đúng hay sai khi nói về đặc điểm vị trí địa lý nước ta?

- Nước ta nằm trong khu vực nội chí tuyến của nửa cầu nam.
- Nằm trong khu vực nội chí tuyến nên nước ta có khí hậu nhiệt đới.
- Lãnh thổ nước ta trải dài trên nhiều vĩ độ nên thiên nhiên có sự phân hóa theo chiều Bắc-Nam.
- Vị trí ven biển khiến khí hậu Việt Nam có sự khác biệt với khí hậu các nước cùng vĩ độ ở Tây Á và châu Phi.

III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: 1,0 đ

Hãy chọn đáp án đúng để hoàn thành các câu sau.

Câu 1. Theo chiều Bắc-Nam, phần đất liền nước ta nằm từ 23⁰23 phút bắc đến 8⁰34 phút bắc. Vậy lãnh thổ nước ta trải dài trên khoảng..... vĩ độ

Câu 2. Tính từ kinh tuyến gốc, cứ 15 kinh độ tương ứng với 1 múi giờ. Lãnh thổ Việt Nam bắt đầu từ 102 độ 09 phút Đông sẽ thuộc múi giờ thứ.....

Câu 3. Trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta, cây lương thực được trồng chủ yếu ở khu vực.....

Câu 4. Sông ngòi chảy qua địa hình đồi núi nhiều thác ghềnh nên có tiềm năngrất lớn.

IV. TỰ LUẬN: 3,0 đ

Phân tích ảnh hưởng của địa hình với sự phân hóa tự nhiên nước ta? Lấy dẫn chứng chứng minh cho ảnh hưởng đó?

ĐỀ 2	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: ĐỊA LÍ 8
-------------	--

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)

PHẦN I (3,0 ĐIỂM). Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trên đất liền, nước ta **không** có đường biên giới với quốc gia nào sau đây?

- A. Thái Lan. B. Cam-pu-chia. C. Lào. D. Trung Quốc.

Câu 2. Việt Nam tiếp giáp với hai đại dương nào sau đây?

- A. Bắc Băng Dương và Ấn Độ Dương. B. Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.
C. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. D. Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.

Dương.

Câu 3. Đồi núi nước ta nối tiếp với vùng đồi núi của các nước láng giềng tạo thành một khối liên tục ở

- A. phía bắc và phía tây. B. phía đông và phía nam
C. phía tây và phía nam. D. phía đông và phía bắc.

Câu 4. Địa hình nước ta được nâng cao và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau trong giai đoạn nào dưới đây?

- A. Trung sinh. B. Tiền Cambri. C. Cổ sinh. D. Tân kiến tạo.

Câu 5. Ở Tây Bắc có mùa đông ngắn hơn và ấm hơn ở Đông Bắc do ảnh hưởng của địa hình đến sự phân hóa thiên nhiên giữa 2 sườn núi nào?

- A. Trường Sơn. B. Hoàng Liên Sơn. C. Con Voi. D. Bạch Mã.

Câu 6. Vị trí địa lý làm cho thiên nhiên nước ta mang tính chất

- A. cận nhiệt đới trên núi. B. nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. nhiệt đới khô trên núi. D. cận xích đạo gió mùa.

Câu 7. Ở nước ta, địa hình đồi núi chia thành mấy khu vực?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5

Câu 8. Dãy núi cao, đồ sộ nhất nước ta:

- A. Trường Sơn. B. Hoàng Sơn. C. Hoàng Liên Sơn. D. Pu Đen Đinh.

Câu 9. Đồng bằng có diện tích lớn nhất nước ta là:

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng ven biển miền Trung. D. Đồng bằng Thanh Hóa.

Câu 10. Giới hạn khu vực đồi núi Trường Sơn Bắc:

- A. nằm giữa sông Hồng và sông Cả. B. nằm giữa sông Hồng và sông Mã.
C. nằm giữa dãy Hoàng Sơn và dãy Bạch Mã. D. nằm giữa sông Cả và dãy Bạch Mã.

Câu 11. Vấn đề nào dưới đây đặt ra khi khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản?

- A. Chi phí vận chuyển, chế biến lớn. B. Giá thành sản phẩm đầu ra thấp.
C. Gây ô nhiễm môi trường sinh thái. D. Khó khăn trong khâu vận chuyển.

Câu 12. Ở nước ta, các mỏ khoáng sản nội sinh thường hình thành ở

A. các vùng biển nông, vùng bờ biển. B. các vùng đứt gãy sâu, uốn nếp mạnh.

- C. vùng trũng được bồi đắp, lắng đọng. D. nơi có hoạt động mac-ma, ven biển.

PHẦN II (2,0 ĐIỂM). Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu,

học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. “Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đã tạo nên đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta, đó là thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển và phân hóa đa dạng” (SGK Lịch sử và Địa lí – Kết nối tri thức với cuộc sống). Những điều trên được thể hiện qua:

- a) Bề mặt địa hình được che phủ bởi lớp vỏ phong hóa dày.
- b) Dạng địa hình núi cao chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ.
- c) Ở các vùng núi, thiên nhiên có sự phân hóa theo độ cao.
- d) Tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng.

Câu 2. Địa hình nước ta rất đa dạng và phức tạp ảnh hưởng sâu sắc đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế, ta có thể thấy qua những đặc điểm sau:

- a) Địa hình đồi núi chiếm ưu thế và chia thành 4 khu vực địa hình với những nét đặc trưng riêng.
- b) Có dạng địa hình bồi tụ khúc khuỷu với nhiều vũng, vịnh nước sâu.
- c) Khu vực địa hình đồi núi thích hợp để phát triển nghề rừng, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản.

d) Vùng biển và thềm lục địa có thể mạnh phát triển hoạt động du lịch, làm muối, giao thông vận tải biển.

PHẦN III (2,0 ĐIỂM). Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1. Khí hậu nước ta có sự phân hóa theo chiều bắc – nam là do đâu?

Câu 2. Tài nguyên khoáng sản nước ta phong phú đa dạng nhờ có vị trí như thế nào?

Câu 3. Việc khai thác dầu mỏ và khí đốt diễn ra chủ yếu ở đâu?

Câu 4. Tại những nơi có địa hình dốc, nhiều thác ghềnh sẽ thích hợp phát triển hoạt động kinh tế nào?

B. TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Câu 1 (1,0 điểm): Trình bày đặc điểm vị trí địa lí của Việt Nam.

Câu 2 (2,0 điểm): Lấy ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với khai thác kinh tế ở khu vực đồng bằng và ven biển. (Lưu ý lấy ít nhất 4 ví dụ)

ĐỀ 3	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: ĐỊA LÍ 8
-------------	--

Phần I: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4,0 điểm).

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 01 phương án.

Câu 1. Điểm cực Nam phần đất liền của nước ta thuộc tỉnh

- A. Điện Biên.
- B. Tuyên Quang.
- C. Khánh Hòa.
- D. Cà Mau.

Câu 2. Điểm cực Tây phần đất liền của nước ta thuộc tỉnh

- A. Điện Biên.
- B. Tuyên Quang.
- C. Khánh Hòa.
- D. Cà Mau.

Câu 3. Bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình nước ta là

- A. đồng bằng.
- B. đồi núi.
- C. đồi trung du.
- D. bán bình nguyên.

Câu 4. Địa hình nước ta có 2 hướng chủ yếu là

- A. đông nam-tây bắc và vòng cung B. đông bắc-tây nam và vòng cung.
C. tây bắc-đông nam và vòng cung. D. tây nam-đông bắc và vòng cung.

Câu 5. Địa hình nào sau đây là địa hình nhân tạo?

- A. Địa hình cacxtơ. B. Địa hình đồng bằng.
C. Địa hình đê sông, đê biển. D. Địa hình cao nguyên.

Câu 6. Địa hình nước ta mang tính chất.....và chịu tác động mạnh mẽ của con người.

- A. cận nhiệt gió mùa. B. ôn đới gió mùa. C. nhiệt đới khô. D. nhiệt đới gió mùa.

Câu 7. Phía Bắc Việt Nam tiếp giáp với quốc gia nào ?

- A. Lào B. Cam pu chia
C. Trung Quốc D. Thái Lan

Câu 8. Than đá phân bố chủ yếu ở:

- A. Quảng Ninh B. Tây Nguyên
C. Đồng bằng sông Hồng D. Thềm lục địa phía Nam

Câu 9. Việt Nam giáp với bao nhiêu quốc gia trên đất liền?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 10. Núi cao trên 2000 m chiếm khoảng bao nhiêu % diện tích cả nước?

- A. 1% B. 5% C. 15% D. 25%

Câu 11. Bô-xít phân bố nhiều ở:

- A. Đông Bắc B. Đồng bằng sông Cửu Long
C. Tây Nguyên D. Bắc Trung Bộ

Câu 12. Đồng bằng lớn nhất Việt Nam là:

- A. Đồng bằng sông Hồng B. Đồng bằng sông Cửu Long
C. Đồng bằng duyên hải miền Trung D. Đồng bằng Nam Bộ

Câu 13. Dầu khí tập trung chủ yếu ở:

- A. Đông Bắc B. Tây Bắc
C. Thềm lục địa phía Nam D. Bắc Trung Bộ

Câu 14. Địa hình đồng bằng thích hợp phát triển:

- A. Du lịch biển B. Trồng lúa và hoa màu
C. Thủy điện D. Trồng cây công nghiệp lâu năm

Câu 15. Địa hình đồi núi thuận lợi cho:

- A. Khai thác khoáng sản và thủy điện B. Trồng lúa
C. Xây dựng cảng biển D. Phát triển nuôi trồng thủy sản

Câu 16. Vấn đề quan trọng trong khai thác khoáng sản hiện nay:

- A. Khai thác càng nhiều càng tốt.
B. Khai thác gắn với sử dụng hợp lý và bảo vệ môi trường.
C. Không cần công nghệ cao.

D. Chỉ xuất khẩu thô.

Phần II: Trắc nghiệm lựa chọn đúng/sai (2,0 điểm).

Thí sinh trả lời từ câu 7 đến câu 10. Trong mỗi nhận định, thí sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).	Đúng/Sai
Câu 17. Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương	
Câu 18. Vùng biển nước ta có diện tích khoảng 1 triệu km ²	
Câu 19. Đồng bằng sông Hồng lớn hơn đồng bằng sông Cửu Long.	
Câu 20. Phan-xi-păng là đỉnh núi cao nhất nước ta	

Phần III. Viết câu trả lời ngắn (1,0 điểm)

Câu 21.Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn ,bao gồm 3 bộ phận:vùng đất__(1)___ và __(2)___.

Câu 22.

Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản khá__(1)___ và __(2)___.

PHẦN IV. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 23. (1,5 điểm)

Trình bày đặc điểm chính của địa hình Việt Nam và lấy ví dụ chứng minh ảnh hưởng đến phát triển kinh tế.

Câu 24. (1,5 điểm)

Phân tích vai trò của khoáng sản đối với phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta. Theo em, cần có biện pháp gì để khai thác và sử dụng khoáng sản một cách hợp lý, lâu bền?

ĐỀ 4	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: ĐỊA LÍ 8
-------------	--

Phần I: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4,0 điểm).

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 01 phương án.

Câu 1. Việt Nam nằm ở khu vực nào của châu Á?

A. Nam Á

B. Đông Bắc Á

C. Đông Nam Á

D. Tây Á

Câu 2. Địa hình nào chiếm phần lớn diện tích nước ta?

A. Núi cao

B. Đồng bằng

C. Cao nguyên bazan

D. Đồi núi thấp

Câu 3. Than đá phân bố chủ yếu ở:

- A. Quảng Ninh B. Tây Nguyên
C. Đồng bằng sông Hồng D. Thềm lục địa phía Nam

Câu 4. Việt Nam giáp với bao nhiêu quốc gia trên đất liền?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 5. Núi cao trên 2000 m chiếm khoảng bao nhiêu % diện tích cả nước?

- A. 1% B. 5% C. 15% D. 25%

Câu 6. Bô-xit phân bố nhiều ở:

- A. Đông Bắc B. Đồng bằng sông Cửu Long
C. Tây Nguyên D. Bắc Trung Bộ

Câu 7. Đường bờ biển Việt Nam dài khoảng:

- A. 1 260 km B. 2 140 km
C. 3 260 km D. 4 260 km

Câu 8. Đồng bằng lớn nhất Việt Nam là:

- A. Đồng bằng sông Hồng B. Đồng bằng sông Cửu Long
C. Đồng bằng duyên hải miền Trung D. Đồng bằng Nam Bộ

Câu 9. Dầu khí tập trung chủ yếu ở:

- A. Đông Bắc B. Thềm lục địa phía Nam
C. Tây Bắc D. Bắc Trung Bộ

Câu 10. Ý nghĩa quan trọng của vị trí địa lí Việt Nam là:

- A. Tránh được ảnh hưởng thiên tai.
B. Thuận lợi giao lưu kinh tế, văn hoá, chính trị.
C. Khí hậu ôn hoà quanh năm.
D. Không chịu tác động của gió mùa.

Câu 11. Địa hình đồng bằng thích hợp phát triển:

- A. Du lịch biển B. Trồng lúa và hoa màu
C. Thủy điện D. Trồng cây công nghiệp lâu năm

Câu 12. Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam:

- A. Phong phú, đa dạng, phân bố không đều.
B. Trữ lượng lớn, phân bố đều khắp cả nước.
C. Ít chủng loại, chỉ tập trung ở đồng bằng.
D. Không có giá trị kinh tế cao.

Câu 13. Địa hình đồi núi thuận lợi cho:

- A. Trồng lúa B. Khai thác khoáng sản và thủy điện
C. Xây dựng cảng biển D. Phát triển nuôi trồng thủy sản

Câu 14. Địa hình núi đá vôi phổ biến ở:

- A. Tây Nguyên B. Đông Bắc
C. Nam Trung Bộ D. Tây Nam Bộ

Câu 15. Khó khăn trong khai thác khoáng sản là:

- A. Mỏ phân bố ở vùng sâu, vùng xa.
B. Dễ khai thác, chi phí thấp.
C. Tập trung hết ở đồng bằng.
D. Chỉ có trữ lượng nhỏ.

Câu 16. Vấn đề quan trọng trong khai thác khoáng sản hiện nay:

- A. Khai thác càng nhiều càng tốt.
B. Khai thác gắn với sử dụng hợp lí và bảo vệ môi trường.
C. Không cần công nghệ cao.
D. Chỉ xuất khẩu thô.

Phần II: Trắc nghiệm lựa chọn đúng/sai (2,0 điểm).

Thí sinh trả lời từ câu 7 đến câu 10. Trong mỗi nhận định, thí sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).	Đúng/Sai
Câu 17. Việt Nam có vùng biển rộng trên 1 triệu km ² .	

Câu 18. Núi cao chiếm khoảng 1% diện tích lãnh thổ.	
Câu 19. Đồng bằng sông Hồng lớn hơn đồng bằng sông Cửu Long.	
Câu 20. Tài nguyên khoáng sản nước ta đang bị khai thác lãng phí.	

Phần III. Viết câu trả lời ngắn (1,0 điểm)

Câu 21.Việt Nam nằm ở giữa ____ (1) ____ khu vực Đông Nam Á, trên tuyến đường hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng, giúp Việt Nam trở thành cầu nối giữa các nước Đông Nam Á và ____ (2) ____.

Câu 22.

Than đá là loại khoáng sản có trữ lượng lớn của nước ta, tập trung nhiều ở tỉnh ____ (1) ____ và được khai thác chủ yếu để ____ (2) ____.

PHẦN IV. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**Câu 23. (1,5 điểm)**

Trình bày đặc điểm chính của địa hình Việt Nam và lấy ví dụ chứng minh ảnh hưởng đến phát triển kinh tế.

Câu 24. (1,5 điểm)

Phân tích vai trò của khoáng sản đối với phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta. Theo em, cần có biện pháp gì để khai thác và sử dụng khoáng sản một cách hợp lý, lâu bền?

ĐỀ 5	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: ĐỊA LÍ 8
-------------	--

A. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

PHẦN I (3 ĐIỂM). Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Nước ta có đường biên giới trên đất liền, giáp với các nước:

A. Trung Quốc, Mianma, Lào.

B. Trung Quốc, Lào, Campuchia.

C. Trung Quốc, Lào, Thái Lan.

D. Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan.

Câu 2: Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lần lượt thuộc tỉnh/thành phố:

A. Quảng Nam, Đà Nẵng.

B. Đà Nẵng, Khánh Hòa.

C. Khánh Hòa, Quảng Ngãi.

D. Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

Câu 3. Địa hình nào sau đây là địa hình nhân tạo?

A. Địa hình cacxtơ.

B. Địa hình đồng bằng

C. Địa hình cao nguyên.

D. Địa hình đê sông, đê biển.

Câu 4: Dầu mỏ và khí đốt phân bố chủ yếu ở?

A. Các đồng bằng

B. Bắc Trung Bộ.

C. Việt Bắc.

D. Thềm lục địa.

Câu 5: Một số mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn ở Việt Nam

A. vàng, kim cương, dầu mỏ.

B. dầu khí, than, sắt, uranium.

C. than, dầu khí, apatit, đá vôi.

D. đất hiếm, sắt, than, đồng.

Câu 6: Nước ta nằm ở khu vực giao nhau của vành đai sinh khoáng lớn của thế giới là?

A. Địa Trung Hải và Thái Bình Dương.

B. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

C. Đại Tây Dương và Địa Trung Hải.

D. Địa Trung Hải và Ấn Độ Dương.

Câu 7: Hiện nay, số lượng khoáng sản đã thăm dò, phát hiện được ở nước ta là?

A. 40 loại.

B. 50 loại.

C. 60 loại.

D. 70 loại.

Câu 8: Khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới thể hiện?

A. Nhiệt độ trung bình năm dưới 20°C.
20°C

B. Nhiệt độ trung bình năm trên

C. Nhiệt độ trung bình năm 18-22°C.
25°C

D. Nhiệt độ trung bình năm trên

Câu 9: Lượng mưa TB năm của nước ta là:

A. 1500-2000mm/ năm.

B. 1000-2500mm/ năm.

C. 1000-1500mm/ năm.

D. 1000-2000mm/năm.

Câu 10. Nước ta có nhiều sông suối phần lớn là:

A. Sông lớn, dài, dày đặc

B. Sông ngắn, lớn, dốc

C. Sông dài, nhiều phù sa.

D. Sông nhỏ, ngắn, dốc.

Câu 11: Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chủ yếu là?

A. Tây bắc-đông nam và tây-đông.

B. Vòng cung và tây-đông.

B. Tây bắc-đông nam và vòng cung.

C. Tây-đông và bắc- nam.

Câu 12: Đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa được quy định bởi?

A. Địa hình.

C. Địa chất.

B. Thảm thực vật.

D. Vị trí địa lí và gió mùa.

PHẦN II (2 ĐIỂM). Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2 Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Địa hình đa dạng, đồi núi thấp chiếm ưu thế, hướng của các dãy núi theo hướng vòng cung, cao ở phía bắc, thấp dần về phía nam. Đồng bằng tương đối rộng và bằng phẳng. Địa hình caxơ khá phổ biến, tiêu biểu ở Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn...Bờ biển đa dạng: nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, đảo như vùng biển tỉnh Quảng Ninh.

a) Đây là đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ở nước ta.

b) Địa hình của miền có nhiều thuận lợi cho phát triển ngành du lịch.

c) Địa hình thấp, hướng núi vòng cung là điều kiện khiến cho gió mùa Đông Bắc lấn sâu vào lãnh thổ nước ta.

d) Các cánh cung tạo bức chắn địa hình với gió mùa Đông Nam gây nên khô hạn kéo dài cho các vùng khuất gió.

Câu 2. Cho thông tin sau: Em hãy xác định câu Đúng (Đ) hoặc Sai (S) vào các đáp án sau.

Thông tin. “Việt Nam có nguồn nước ngầm phong phú và đa dạng. Nước ngầm cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt hàng ngày, đặc biệt ở thành phố lớn. Một số nơi ở nước ta có nguồn nước khoáng, nước nóng có lợi cho sức khỏe con người”.

Nhận định	
a) Nguồn nước ngầm tập trung nhiều ở đồng bằng sông Hồng và Duyên hải miền Trung.	
b) Nguồn nước khoáng, nước nóng có thể khai thác để phát triển du lịch, nghỉ dưỡng và chữa bệnh.	
c) Sự gia tăng của số ngày hạn hán làm cho mực nước ngầm cũng hạ thấp.	
d) Trồng rừng và bảo vệ rừng là một trong các biện pháp bảo vệ mực nước ngầm.	

PHẦN III Trắc nghiệm dạng thức trả lời ngắn (2,0 điểm):

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8

Câu 1: Tư liệu 1: Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở 1 TRẠM KHÍ TƯỢNG X

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	17,1	18,6	20,9	24,7	28,1	30,0	29,8	29,1	28,2	26,0	22,6	18,8
Lượng mưa (mm)	28,3	20,2	55,8	74,3	191,7	246,4	308,2	332,6	197,3	113,0	56,6	25,8

thông tin và dữ liệu khí tượng, thủy văn

Em hãy căn cứ vào bảng tư liệu trên hãy cho biết

Câu 1 Trạm khí tượng X có nhiệt độ trung bình là bao nhiêu? (Làm tròn đến hàng thập phân thứ nhất)

Câu 2. Trạm khí tượng X có biên độ nhiệt năm là bao nhiêu °C (Làm tròn đến hàng thập phân thứ nhất).

Câu 3. Trạm khí tượng X có bao nhiêu tháng nhiệt độ dưới 20 °C ?

Câu 4. Tổng lượng mưa của trạm khí tượng X là bao nhiêu? (Làm tròn đến hàng thập phân thứ nhất).

Câu 5. Cho biết trạm khí tượng X có bao nhiêu tháng lượng mưa trên 100mm?

Câu 6. Thời gian mùa mưa của trạm kéo dài từ tháng mấy tới tháng mấy?

Câu 7. Em hãy cho biết trạm khí tượng X thuộc miền khí hậu nào?

Câu 8. Nguyên nhân chính dẫn tới miền này có mùa đông lạnh là gì?

B. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 Dựa vào kiến thức đã học:

a. Em hãy phân tích đặc điểm mạng lưới và chế độ nước của hệ thống sông Hồng.?. Em hãy nêu vai trò của hồ Hòa Bình trên sông Đà?.

b. Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.?

ĐỀ 6

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: ĐỊA LÍ 8

A. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

PHẦN I (5,5 ĐIỂM). Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 22

Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vị trí Việt Nam nằm trong khoảng

- A. 8°34'B - 23°23'B và 102°5'D - 109°24'D.
- B. 8°30'B - 23°23'B và 102°10'D - 109°24'D.
- C. 8°34'B - 23°23'B và 102°09'D - 109°28'D.
- D. 8°34'B - 23°23'B và 102°10'D - 109°40'D.

Câu 2. Lãnh thổ nước ta là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm có

- A. vùng đất, vùng biển và vùng trời.
- B. vùng đất, vùng biển và quần đảo.
- C. vùng đất, đồng bằng và vùng trời.
- D. vùng núi, vùng biển và vùng trời.

Câu 3. Vị trí địa lí nước ta có ý nghĩa thuận lợi về:

- A. Giao lưu kinh tế – xã hội
- B. Khí hậu lạnh quanh năm
- C. Tránh thiên tai
- D. Tài nguyên vô tận

Câu 4. Địa hình chủ yếu của Việt Nam là:

- A. Đồng bằng
- B. Đồi núi thấp
- C. Cao nguyên
- D. Núi cao hiểm trở

Câu 5. Địa hình nước ta có hướng nghiêng:

- A. Đông Bắc – Tây Nam
- B. Bắc – Nam
- C. Tây Bắc – Đông Nam

D. Tây – Đông

Câu 6. Tỷ lệ diện tích đồi núi chiếm khoảng:

A. 1/4

B. 2/3

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{1}{2}$

Câu 7. Đồng bằng lớn nhất nước ta là:

A. Bắc Bộ

B. Nam Bộ

C. Duyên hải miền Trung

D. Tây Nguyên

Câu 8. Địa hình nào thuận lợi cho thủy điện?

A. Đồng bằng ven biển

B. Đồi núi thấp

C. Cao nguyên bazan

D. Thềm lục địa

Câu 9. Địa hình đồng bằng có ý nghĩa lớn nhất về:

A. Nông nghiệp

B. Thủy điện

C. Khai khoáng

D. Du lịch

Câu 10. Bờ biển Việt Nam dài khoảng:

A. 2000 km

B. 3260 km

C. 5000 km

D. 1000 km

Câu 11. Thềm lục địa Việt Nam rộng khoảng:

A. 200.000 km²

B. 1.000.000 km²

C. 50.000 km²

D. 500.000 km²

Câu 12. Than đá tập trung nhiều nhất ở:

A. Quảng Ninh

B. Thái Nguyên

C. Cao Bằng

D. Nghệ An

Câu 13. Bôxit phân bố nhiều ở:

A. Tây Nguyên

B. Bắc Bộ

C. Nam Bộ

D. Duyên hải miền Trung

Câu 14. Ý nghĩa vị trí địa lý nước ta về tự nhiên là:

A. Tạo khí hậu ôn hòa

B. Quy định khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm

C. Khí hậu quanh năm lạnh

D. Khí hậu khô hạn

Câu 15. Ý nghĩa vị trí địa lý nước ta về kinh tế – xã hội là:

A. Khó khăn trong giao lưu

B. Thuận lợi giao lưu, hội nhập, phát triển kinh tế biển

C. Cô lập với thế giới

D. Không ảnh hưởng

Câu 16. Đặc điểm nổi bật của tài nguyên khoáng sản Việt Nam là:

A. Phong phú, đa dạng, phân bố rộng

B. Rất ít, tập trung cục bộ

C. Giàu có, trữ lượng vô tận

D. Chỉ có than và dầu

Câu 17. Vùng biển và thềm lục địa ở nước ta có thể mạnh nào sau đây để phát triển giao thông vận tải biển?

A. Nhiều thủy sản có giá trị, giàu muối.

B. Có nhiều vũng và vịnh biển nước sâu.

C. Giàu tài nguyên dầu khí và thủy triều.

D. Nhiều bãi tắm, đảo có phong cảnh đẹp.

Câu 18. Ở vùng đồi núi nước ta có địa hình chia cắt phức tạp nên gây khó khăn cho

A. giao thông vận tải.

B. tài chính ngân hàng.

C. cải tạo môi trường.

D. phát triển thủy điện.

PHẦN II (1,0 ĐIỂM). Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2 Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Khu vực Đông Bắc nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng yếu là nòi thấp có hướng vòng cung với bốn cánh cung lớn là cánh cung Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều chụm lại ở Tam Đảo và mở rộng ra phía Bắc, phía Đông...

- a) Khu vực đồi núi Đông Bắc nằm giữa sông Hồng và sông Cả.
- b) Phần lớn diện tích là đồi núi thấp.
- c) Gồm nhiều cao nguyên badan rộng.
- d) Có các dãy núi hướng vòng cung.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Việt Nam nằm ở phía đông nam của châu Á, trên bán đảo Đông Dương. Phần đất liền nước ta giới hạn từ vĩ độ $8^{\circ}34'B$ đến vĩ độ $23^{\circ}23'B$ và từ kinh độ $102^{\circ}09'D$ đến kinh độ $109^{\circ}28'D$. Trên Biển Đông, vùng biển nước ta kéo dài từ khoảng vĩ độ $6^{\circ}50'B$ và kinh độ $101^{\circ}D$ đến khoảng kinh độ $117^{\circ}20'D$.

- a) Nước ta nằm hoàn toàn ở nửa cầu Bắc.
- b) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài trên 17 vĩ độ.
- c) Vị trí địa lí tạo thuận lợi cho nước ta phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- d) Vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ đã làm sông ngòi nước ta phần lớn sông nước ta nhiều nước, thủy chế theo mùa.

PHẦN III (0,5 ĐIỂM). Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2

Câu 1. Diện tích đất liền Việt Nam khoảng 331.212 km^2 , diện tích vùng biển đặc quyền kinh tế khoảng $1.000.000 \text{ km}^2$. Cho biết diện tích vùng biển gấp bao nhiêu lần diện tích đất liền (làm tròn đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Lãnh thổ đất liền Việt Nam kéo dài từ vĩ độ $8^{\circ}34'B$ đến $23^{\circ}23'B$. Cho biết lãnh thổ theo hướng Bắc – Nam kéo dài khoảng bao nhiêu vĩ tuyến.

B. TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1.

- a) Trình bày đặc điểm phân bố khoáng sản ở Việt Nam.
- b) Giải thích nguyên nhân của sự phân bố đó.

ĐỀ 7	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: ĐỊA LÍ 8
------	---

A. TRẮC NGHIỆM (3,5 ĐIỂM)**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN NHIỀU LỰA CHỌN (2,0 ĐIỂM).**

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8. Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Việt Nam nằm ở khu vực nào sau đây?

- A. Đông Nam Á lục địa
- B. Đông Nam Á hải đảo
- C. Đông Bắc Á
- D. Tây Nam Á

Câu 2. Điểm cực Bắc của lãnh thổ Việt Nam thuộc tỉnh:

- A. Tuyên Quang
- B. Phú Thọ
- C. Lào Cai
- D. Thái Nguyên

Câu 3. Địa hình chủ yếu của Việt Nam là:

- A. Cao nguyên bazan
- B. Đồi núi thấp
- C. Đồng bằng rộng lớn
- D. Núi cao hiểm trở

Câu 4. Khoáng sản năng lượng quan trọng nhất của Việt Nam là:

- A. Sắt
- B. Dầu khí
- C. Than đá
- D. Bôxit

Câu 5. Đường biên giới trên đất liền của Việt Nam dài khoảng:

- A. 2 100 km
- B. 3 260 km
- C. 4 550 km
- D. 3 260 km

Câu 6. Vì sao địa hình Việt Nam được gọi là “đồi núi chiếm ưu thế, đồng bằng tương đối nhỏ hẹp”?

- A. Do diện tích đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ lãnh thổ, đồng bằng chỉ $\frac{1}{4}$
- B. Vì phần lớn là núi trung bình và núi cao
- C. Do đồng bằng chủ yếu t
- D. Vì đồng bằng rộng lớn l

Câu 7. Khoáng sản kim loại màu (đồng, chì, kẽm...) tập trung nhiều ở:

A. Tây Nguyên

C. Miền Bắc

B. Đồng bằng sông Hồng

D. Duyên hải miền Trung

Câu 8. Tại sao vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước?

A. Vì ảnh hưởng đến khí hậu, tài nguyên, giao lưu quốc tế

C. Vì chỉ liên quan đến vấn đề

B. Vì chỉ quyết định diện tích lãnh thổ

D. Vì không có ý nghĩa thực tế

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN ĐÚNG – SAI. Học sinh trả lời câu 9. (1.0 điểm)

Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 9. Dựa vào kiến thức đã học, hãy cho biết các ý sau là Đúng (Đ) hay Sai (S):

a) Việt Nam nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, giáp Biển Đông.

b) Nước ta có diện tích đất liền trên 330 nghìn km² và vùng biển rộng khoảng 1 triệu km².

c) Địa hình Việt Nam chủ yếu là đồng bằng, chiếm hơn 3/4 diện tích lãnh thổ.

d) Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, trong đó có dầu mỏ, than đá, bôxít, sắt.

PHẦN III. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN DẠNG TRẢ LỜI NGẮN. Học sinh trả lời từ câu 10 đến câu 11 (0,5 điểm)

Câu 10: Đường bờ biển nước ta dài bao nhiêu km?

Câu 11: Đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào?

B. TỰ LUẬN (1,5 ĐIỂM)

Câu 12: Vì sao nói địa hình đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam?

ĐỀ 8	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: ĐỊA LÍ 8
-------------	--

PHẦN A: TRẮC NGHIỆM (3,5 điểm)

Phần I. (1,5 điểm).

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn 1 đáp án đúng nhất.

Câu 1. Vùng biển của Việt Nam **không** giáp với vùng biển của quốc gia nào dưới đây?

- A. Xin-ga-po.
- B. Phi-lip-pin.
- C. Đông Ti-mo.
- D. Ma-lai-xi-a.

Câu 2. Biển Đông có diện tích khoảng

- A. 3,24 triệu km².
- B. 3,43 triệu km².
- C. 3,34 triệu km².
- D. 3,44 triệu km².

Câu 3. Biểu hiện nào sau đây thể hiện vai trò của biển đảo đối với kinh tế nước ta?

- A. Vai trò trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- B. Là nơi cư trú, nhiều hoạt động của dân cư.
- C. Đóng góp đáng kể vào GDP của đất nước.
- D. Có nhiều cảnh quan đẹp phát triển du lịch.

Câu 4: Theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, vùng biển Việt Nam trong Biển Đông không bao gồm bao gồm:

- A. Nội thủy
- B. Lãnh hải
- C. Vùng quân sự
- D. Vùng đặc quyền kinh tế

Câu 5: Đây là tên một quần đảo ở vùng biển của Việt Nam?

- A. Tam Sa
- B. Trường Sa
- C. Tây Sa
- D. Hawaii

Câu 6: Huyện Côn Cỏ trực thuộc tỉnh thành nào?

- A. Quảng Ninh
- B. Hải Phòng
- C. Quảng Trị
- D. Khánh Hoà

Phần II. (1,0 điểm).

Học sinh trả lời trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn Đúng (Đ) hoặc Sai (S)

Cho thông tin sau:

Điều 1, khoản 1, Luật biển Việt Nam năm 2013 quy định: "Vùng biển Việt Nam bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và

quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982".

Biển Việt Nam có khoảng hơn 3.000 đảo, trong đó có 2.773 đảo ven bờ, gồm các tuyến, cụm đảo tập trung ở vùng biển ven bờ Quảng Ninh - Hải Phòng và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Tổng diện tích các đảo khoảng 1.700 km², trong đó 3 đảo có diện tích hơn 100 km² là Phú Quốc (Kiên Giang), Cái Bàu (Quảng Ninh) và Cát Bà (Hải Phòng).

(Nguồn: Chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2020, trang 13)

a) Hiện nay cả nước có 1 thành phố đảo trực thuộc tỉnh và 11 huyện đảo.

b) Vùng biển Việt Nam tiếp giáp với vùng biển của tất cả các quốc gia Đông Nam Á.

c) Các đảo của Việt Nam có ý nghĩa to lớn trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội và bảo đảm an ninh – quốc phòng, chủ quyền của đất nước.

d) Hướng chung trong giải quyết các tranh chấp vùng biển, đảo là giải quyết các tranh chấp trên cơ sở hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Phần III (1,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

Câu 1: Theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, vùng biển Việt Nam trong biển Đông bao gồm mấy bộ phận?

Câu 2: Hiệp định phân định ranh giới thềm lục địa với Indonesia được ký năm nào?

Câu 3: Vùng biển đặc quyền kinh tế của nước ta rộng 200 hải lý tính từ đường nước cơ sở (1 hải lý = 1852m). Hãy cho biết vùng biển đặc quyền kinh tế của nước ta rộng bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km).

Câu 4: Biết đường bờ biển nước ta dài 3260 km, đường biên giới trên đất liền dài 4510 km. Tính tỉ lệ đường bờ biển so với đường biên giới nước ta. (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

PHẦN B: TỰ LUẬN (1,5 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm).

Trình bày những nét chính về đặc điểm môi trường biển đảo Việt Nam.

Câu 2 (0,5 điểm) Kể tên một số hoạt động khai thác tài nguyên biển ở nước ta.

ĐỀ 8

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: ĐỊA LÍ 8

A. TRẮC NGHIỆM (3,5 ĐIỂM)

PHẦN I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (1,5 ĐIỂM).

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phạm vi lãnh thổ nước ta không bao gồm thành phần nào sau đây?

- A. Vùng đất liền
- B. Vùng biển rộng 200 hải lý
- C. Vùng trời
- D. Vùng đất Nam Trung Quốc

Câu 2. Việt Nam không tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc
- B. Lào
- C. Thái Lan
- D. Campuchia

Câu 3. Việt Nam có đường biên giới trên đất liền dài khoảng bao nhiêu km?

- A. 2 000 km
- B. 3 000 km
- C. 4 600 km
- D. 5 500 km

Câu 4. Việt Nam nằm ở khu vực nào?

- A. Đông Nam Á lục địa
- B. Đông Nam Á hải đảo
- C. Đông Nam Á vừa lục địa vừa hải đảo
- D. Trung Á

Câu 5. Ý nghĩa quan trọng nhất của vị trí địa lý nước ta là:

- A. Thuận lợi giao lưu kinh tế, văn hoá với các nước trong khu vực và thế giới
- B. Ít chịu tác động thiên tai
- C. Khí hậu ôn hoà quanh năm
- D. Địa hình bằng phẳng, dễ xây dựng cơ sở hạ tầng

Câu 6. Vĩ độ địa lý Việt Nam trải dài từ khoảng:

- A. $8^{\circ}34'B \rightarrow 23^{\circ}23'B$
- B. $10^{\circ}34'B \rightarrow 20^{\circ}23'B$
- C. $5^{\circ}00'B \rightarrow 25^{\circ}00'B$
- D. $0^{\circ} \rightarrow 30^{\circ}B$

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG/SAI (1 ĐIỂM).

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Hãy ghi Đúng (Đ) hoặc Sai (S) vào ô trống trước mỗi ý.

Câu 1. () Việt Nam có lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc – Nam hơn 1 650 km.

Câu 2. () Địa hình Việt Nam chủ yếu là đồi núi, chiếm trên 3/4 diện tích lãnh thổ.

Câu 3. () Việt Nam là một quốc gia giàu tài nguyên khoáng sản, phân bố đồng đều khắp cả nước.

Câu 4. () Đường bờ biển của nước ta dài hơn 3 000 km.

PHẦN III. VIẾT CÂU TRẢ LỜI NGẮN (1 ĐIỂM).

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

Câu 1. Độ cao của đỉnh Pu Ta Leng là bao nhiêu m?